

Số: 10/2018/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐQT ngày 07/08/2013;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 05/2018/BB-HĐQT ngày 16/04/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà năm 2018.

- Thời gian tổ chức: 8h00', Thứ Ba ngày 24/04/2018.
- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP. Hà Nội.
- Tài liệu bao gồm:
 1. Thẻ lệ biểu quyết
 2. Quy chế làm việc
 3. Chương trình Đại hội
 4. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018
 5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017
 6. Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán
 7. Tờ trình Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017
 8. Tờ trình Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2018
 9. Tờ trình Thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2017
 10. Tờ trình Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS năm 2018
 11. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm 2018
 12. Tờ trình Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
 13. Tờ trình Sửa đổi điều lệ Công ty
 14. Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
 15. Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHCĐ năm 2017-2018

Bổ sung thêm nội dung bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 theo đề nghị của nhóm cổ đông trên 10% liên tục trong vòng 6 tháng và trình ĐHCĐ thường niên 2018 thông qua việc bổ sung này.

Điều 2: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng giám đốc Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng chủ trương đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKH;
- Trưởng BKS (để b/cáo);
- Lưu VT, Thư ký C.ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Sỹ Đồng

Thời gian: từ 8^h00 → 11^h00 Thứ Ba, ngày 24/04/2018

Địa điểm: Hội trường Công ty CP VPP Hồng Hà, số 672 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội

Thời gian	Nội dung
7 ^h 15-8 ^h 00	Cổ đông đăng ký tham dự, nhận Thẻ và Phiếu biểu quyết
	I. THỦ TỤC KHAI MẠC
8 ^h 00-8 ^h 15	Khai mạc Đại hội, Giới thiệu đại biểu Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội Giới thiệu chủ tọa Đại hội
8 ^h 15-8 ^h 40	Thông qua Đoàn Chủ tịch Thông qua Ban Thư ký; Ban kiểm phiếu và kiểm thẻ Thông qua Thẻ lệ biểu quyết Thông qua Quy chế làm việc Thông qua Chương trình Đại hội
	II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI
8 ^h 40-10 ^h 00	Các Báo cáo và Tờ trình
10 ^h 00-10 ^h 15	Ban điều hành trình: 1. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018. Hội đồng quản trị trình: 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 3. Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán 4. Tờ trình Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 5. Tờ trình Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2018 6. Tờ trình Thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2017 7. Tờ trình Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS năm 2018 8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm 2018 9. Tờ trình Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty 10. Tờ trình Sửa đổi điều lệ Công ty 11. Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Ban kiểm soát trình: 12. Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHCĐ năm 2017-2018
10 ^h 15-10 ^h 30	Thảo luận & Biểu quyết
10 ^h 30-10 ^h 35	Nghỉ giải lao
10 ^h 35-10 ^h 45	Công bố kết quả biểu quyết
	III. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI
10 ^h 45-11 ^h 00	Thông qua Biên bản Đại hội
11 ^h 00-	Thông qua Nghị quyết Đại hội
11 ^h 00-	Bế mạc Đại hội

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

THÔNG BÁO MỜI THAM DỰ
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (MSDN: 0100100216; Địa chỉ trụ sở chính: 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội) trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

- 1. Thời gian:** 8^h00 ngày 24/04/2018 (nhận đăng ký từ 7^h30)
- 2. Địa điểm:** Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, 672 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội

3. Nội dung:

- Báo cáo của Tổng giám đốc hoạt động SXKD năm 2017, phương hướng năm 2018
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017
- Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán
- Tờ trình Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017
- Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018
- Tờ trình Thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2017
- Tờ trình Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2018
- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018
- Tờ trình Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
- Tờ trình Sửa đổi Điều lệ Công ty
- Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
- Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ năm 2017 - 2018
- Những nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

4. Các tài liệu kèm theo:

- Mẫu giấy xác nhận/ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- Tài liệu Đại hội: đề nghị Quý cổ đông xem tại website: <http://www.vpphongha.com.vn>

5. Xác nhận tham dự Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc trực tiếp (hoặc ủy quyền) tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018 bằng cách gửi Giấy xác nhận/ủy quyền tham dự Đại hội theo một trong các hình thức: gửi trực tiếp, qua fax hoặc gửi thư bảo đảm; thông báo trực tiếp hoặc qua điện thoại tới địa chỉ sau:

- Ông **Cao Sơn Thủy** – Trưởng Phòng TCHC, Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà
- Điện thoại: 024.22103919; Fax: 024.36524351; Di động: 0913234237
- Địa chỉ: 672 Ngô Gia Tự – Long Biên – Hà Nội
- Thời gian: Trước 16^h00' ngày 21/04/2018

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời tham dự Đại hội, CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc); với cổ đông là tổ chức, người đại diện cần mang thêm Giấy chứng nhận ĐKDN (bản sao).
- Đối với người được ủy quyền tham dự Đại hội: Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự và Thông báo mời tham dự ĐHĐCĐ, CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc) và mang thêm:
 - + Với người được ủy quyền cho cổ đông là cá nhân: Bản sao CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu của người ủy quyền.
 - + Với người được ủy quyền cho cổ đông là tổ chức: Bản sao Giấy chứng nhận ĐKDN của tổ chức ủy quyền.

Thông báo này thay cho Giấy mời họp.

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Sỹ Dũng

....., ngày tháng 04 năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

***Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà***

Họ và tên :

Số CMND:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ :

Là người đại diện pháp nhân của cổ đông (nếu có):.....

Số cổ phần sở hữu :

Căn cứ Thông báo mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, tôi xin xác nhận việc tham dự như sau:

1. Trực tiếp tham dự:

2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ và tên :

Số CMND:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Chức vụ (nếu có) :

Hoặc ủy quyền cho:

Ông/Bà Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị

Ông/Bà Trưởng Ban kiểm soát

Ông/Bà Thành viên Ban kiểm soát

Được thay mặt tôi tham dự ĐHĐCĐ thường niên ngày 24/04/2018 của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà và được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Giấy xác nhận này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi kết thúc Đại hội.

Tôi xin cam đoan chấp thuận và không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người được tôi ủy quyền trên đây.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM DỰ/NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....
Lưu ý: Cổ đông điền đầy đủ họ tên, số CMND/hộ chiếu, nơi cấp và ngày cấp của người được ủy quyền và vui lòng fax hoặc gửi xác nhận tham dự về Công ty **trước 16^h00' ngày 21/04/2018** theo địa chỉ sau:

Ông Cao Sơn Thủy – Trưởng Phòng TCHC, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Trụ sở: 672 Ngô Gia Tự - Long Biên – Hà Nội

Điện thoại: 024.22103919; Fax: 024.36524351; Di động: 0913234237

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 24/04/2018 CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/04/2018 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Đại hội"), như sau:

1. Nguyên tắc chung:

- Mọi nghị quyết, quyết định tại Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp;
- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi kết quả biểu quyết phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty;
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

2. Cách thức biểu quyết:

Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành theo 2 cách dưới đây

2.1. Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, được thực hiện dưới sự điều hành của Chủ tọa, theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- Hình thức này được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:
 - ✓ Thông qua đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm thê/phiếu;
 - ✓ Thông qua Thẻ lệ biểu quyết;
 - ✓ Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội;
 - ✓ Thông qua Chương trình Đại hội;
 - ✓ Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2.2. Biểu quyết bằng hình thức thu Phiếu biểu quyết:

- Cách thức ghi Phiếu biểu quyết: Với mỗi nội dung ghi trên Phiếu biểu quyết, cổ đông có ý kiến như thế nào (tán thành/không tán thành/không có ý kiến) thì ghi ký hiệu "X" hoặc "√" vào ô tương ứng với ý kiến đó.
- Hình thức này được sử dụng để biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình.

3. Thẻ/Phiếu biểu quyết:

- Khi tiến hành đăng ký dự Đại hội, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền:
 - ✓ Một Thẻ biểu quyết: trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông (hoặc họ và

tên đại diện được ủy quyền) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- ✓ Một Phiếu biểu quyết: trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông (hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền), số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và nội dung cần biểu quyết được quy định tại Mục 2.2 của thể lệ này.

Nếu phát hiện có nhầm lẫn thì người biểu quyết phải báo ngay với Trưởng Ban kiểm thẻ/phiếu đề nghị đổi Thẻ/Phiếu biểu quyết.

- Thẻ/Phiếu biểu quyết hợp lệ là:

- ✓ Do Ban tổ chức Đại hội phát ra và có dấu của Công ty;
- ✓ Không bị rách, tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác;
- ✓ Đối với Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp.

- Thẻ/Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- ✓ Không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra hoặc không có dấu của Công ty;
- ✓ Thẻ/Phiếu bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm các nội dung, ký hiệu khác;
- ✓ Phiếu biểu quyết không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp.

4. Kết quả biểu quyết:

- Ban kiểm thẻ/phiếu sẽ tổng hợp kết quả biểu quyết từng nội dung theo:

- ✓ Số cổ phần biểu quyết Tán thành;
- ✓ Số cổ phần biểu quyết Không tán thành;
- ✓ Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến.

- Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

- Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu và kiểm thẻ biểu quyết lập Biên bản, có ký xác nhận của các thành viên và trình Chủ tọa Đại hội.

- Kết quả biểu quyết được Chủ tọa thông báo trước khi thông qua nghị quyết Đại hội.

- Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội./.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH ĐOÀN

Hoàng Mạnh Ánh

Võ Sỹ Dũng

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 24/04/2018 CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Điều 1. Những quy định chung:

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/04/2018 Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Đại hội”).
- Cổ đông/đại diện cổ đông (“cổ đông”) tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Trật tự của Đại hội:

- Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức, trang phục chỉnh tề và không hút thuốc lá trong phòng tổ chức Đại hội.
- Cổ đông không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội, điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển chế độ không chuông.

Điều 3. Trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu và Ban thư ký:

1. Đoàn chủ tịch:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa Đại hội.
- Chủ tọa Đại hội đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm thẻ/phiếu, Đại diện cổ đông giám sát bầu cử (nếu có) và phải được Đại hội biểu quyết thông qua tại cuộc họp.
- Đoàn chủ tịch có trách nhiệm tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự.
- Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.
- Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

2. Ban kiểm thẻ/phiếu: Có trách nhiệm giám sát, ghi nhận kết quả kiểm thẻ, kiểm phiếu biểu quyết. Phổ biến, hướng dẫn Thẻ lệ biểu quyết và tổng hợp kết quả biểu quyết theo từng nội dung. Lập biên bản kiểm thẻ/phiếu biểu quyết và thông báo kết quả với Chủ tọa Đại hội kịp thời.

3. Ban thư ký: thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, ghi chép trung thực, chính xác nội dung Đại hội, tiếp nhận các phiếu đóng góp ý kiến/câu hỏi của cổ đông. Công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ thảo luận và biểu quyết thông qua chương trình và nội dung cuộc họp ngay sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký để buổi họp được diễn ra hợp lệ.

- Đại hội sẽ lần lượt nghe các báo cáo, tờ trình và tiến hành thảo luận, biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã được Đại hội thông qua.
- Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo Thể lệ biểu quyết được Đại hội thông qua.
- Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông tham dự Đại hội muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Giơ tay đề nghị phát biểu ý kiến và chỉ được phát biểu sau khi Chủ tọa cho phép.
- Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu.
- Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
- Chủ tọa có quyền cắt ngang phân trình bày ý kiến của các cổ đông nếu ý kiến quá dài, không phù hợp với nội dung Đại hội hoặc thấy cần thiết.
- Nội dung phát biểu ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội.
- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.
- Thời gian phát biểu không quá 05 phút cho 01 lần phát biểu.

Trường hợp đã hết thời gian dành cho nội dung đó mà cổ đông vẫn còn ý kiến hoặc câu hỏi chưa phát biểu hết thì có thể gửi ý kiến bằng văn bản cho Chủ tọa. Ý kiến bằng văn bản có giá trị như một bài phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

Điều 7. Thông qua quyết định của Đại hội:

Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

Quyết định về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

Trên đây là Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/04/2018 Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Kính trình Đại hội thông qua!

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Võ Sỹ Dũng

Số: 08/2018/BC-TGD

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
& PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2018

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

1. Đặc điểm tình hình chung năm 2017

1.1. Thuận lợi:

Tình kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2017 tiếp tục có nhiều cải thiện hơn so với năm 2016. GDP năm 2017 ước tính tăng 6,8% so với năm 2016. Mức tăng năm nay đã vượt mục tiêu đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016.

Trong năm 2017, Giá các nguyên vật liệu chính của Công ty như giấy, nhựa ... vẫn tương đối ổn định.

Lãi suất ngân hàng đã có xu hướng tăng so với vài năm trở lại đây.

Công ty đang từng bước thực hiện nghiên cứu chiến lược, tái cơ cấu về nhân sự và thiết bị nhằm tạo sự bứt phá trong thời gian tới.

Thương hiệu Hồng Hà không ngừng được đầu tư các nguồn lực để giữ vững uy tín trong lòng người tiêu dùng.

Hệ thống phân phối ổn định và ngày càng chuyên nghiệp.

1.2. Khó khăn:

Nền kinh tế Việt Nam có nhiều cải thiện so với các năm trước, chất lượng tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng tiêu dùng còn thấp. Giá xăng dầu và phí đường bộ đều có xu hướng tăng khiến chi phí vận chuyển chịu ảnh hưởng tăng theo.

Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp mới gia nhập ngành. Các doanh nghiệp mới gia nhập ngành đang triển khai các biện pháp cạnh tranh bằng giá nhằm mục tiêu tăng độ phủ.

Nhân sự còn yếu và thiếu, tính ổn định không cao làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc. Năm 2017, nhân sự của Công ty đặc biệt biến động nhiều ở lao động phổ thông, công nhân và đội ngũ nhân viên kinh doanh.

2. Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

2.1. Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Th/hiện năm 2016	So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH2017/TH2016	TH/KH 2017
1	2	3	4	5	6	7 = 5/6	8 = 5/4
1	Tổng doanh thu:	Tr.đ	570.000	595.878	553.717	107,61%	104,54%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Th/hiện năm 2016	So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH2017/ TH2016	TH/KH 2017
	<i>Trong đó:</i>						
*	<i>DT từ 25LTK</i>	<i>Tr.đ</i>	29.400	35.569	30.291	117,42%	120,98%
*	<i>DT từ SXKD</i>	<i>Tr.đ</i>	540.600	560.309	523.426	107,05%	103,65%
2	Giảm trừ CK giảm giá	Tr.đ	22.800	23.393	21.840	107,11%	102,60%
3	DT sau giảm trừ CK giảm giá	Tr.đ	547.200	572.485	531.877	107,63%	104,62%
4	Hàng trả lại	Tr.đ		12.358	1.578	783,14%	
5	Tổng chi phí	Tr.đ	512.200	525.012	495.600	105,93%	102,50%
6	Lợi nhuận trước thuế: <i>Trong đó:</i>	Tr.đ	35.000	35.115	34.699	101,20%	100,33%
*	<i>LN từ 25LTK</i>	<i>Tr.đ</i>		16.403	12.470	131,54%	
*	<i>LN từ SXKD</i>	<i>Tr.đ</i>		18.712	22.229	84,18%	
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	27.500	27.889	27.165	102,67%	101,41%
8	Tỷ suất LNST/DT	%	4,82%	4,68%	4,91%	95,40%	97,01%
9	Tỷ suất LNST/VĐL	%	46,64%	47,30%	46,07%	102,67%	101,41%
10	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	3.700	3.784	3.536	107,01%	102,27%
11	Lao động BQ (người/tháng)	Người	420	430	436	98,62%	102,38%
12	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	9.000	8.850	8.031	110,20%	98,33%
13	Cổ tức	%	30%	20%	30%	66,67%	66,67%

*Ghi chú: Tr.đ: Triệu đồng; CK: chiết khấu; DT: Doanh thu; TN: Thu nhập; VĐL: Vốn điều lệ;
BQ: Bình quân; LNST: Lợi nhuận sau thuế*

Năm 2017, Công ty ghi nhận tăng trưởng cả doanh thu và lợi nhuận so với năm 2016. Tổng doanh thu năm 2017 tăng 7,61 % so với cùng kỳ năm 2016, và tăng 4,54% so với kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2017 đã thông qua. Lợi nhuận trước thuế năm 2017 tăng nhẹ (1,2%) so với năm 2016. Tuy nhiên, lợi nhuận từ SXKD lại giảm, lý do chủ yếu là lãi vay ngân hàng tăng so với năm 2016; chi phí bán hàng năm 2017 cũng tăng do chủ trương của Công ty về đầu tư trực tiếp cho phát triển thị trường.

2.2. Thực hiện các mặt công tác khác:

2.2.1. Công tác tổ chức- tiền lương:

Thời điểm 31/12/2017, Công ty có 434 lao động, trong đó lao động nữ chiếm trên 45%. Lao động thường xuyên có trình độ trên đại học chiếm 1,38%; trình độ đại học chiếm 29,72%; trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 57,37%; lao động phổ thông chiếm 8,76%, còn lại là lao động mùa vụ và thử việc.

Công tác ATLĐ và vệ sinh công nghiệp: ý thức chấp hành và công tác kiểm tra, giám sát hoạt động ATLĐ và vệ sinh công nghiệp đã dần hình thành nề nếp.

Công tác tiền lương được triển khai đúng tiến độ và quy định của nhà nước và công ty. Thu nhập bình quân năm 2017 đạt trên 8,85 triệu đồng/người/tháng, tăng 10% so với năm 2016.

2.2.2. Công tác Kỹ thuật công nghệ - đầu tư:

Về Kỹ thuật công nghệ:

Năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư và hoàn thiện công nghệ sản xuất cho các thiết bị mới như máy làm tập vở học sinh tự động, máy đếm giấy, máy làm bìa số 3 mảnh, máy ép nhựa 180 tấn, máy bơm mực bút bi/gel, máy gia công túi myclear/túi hờ ...

Bổ sung và xây dựng mới các quy trình công nghệ cho thiết bị mới và xưởng giấy vở sau mở rộng.

Nâng cao quy trình KCS giúp giảm tỷ lệ hàng hỏng, lỗi.

Liên tục rà soát và áp dụng định mức vật tư mới giúp giảm tỷ lệ tiêu hao vật tư.

Về Kỹ thuật đầu tư:

Với mục tiêu mở rộng ngành hàng, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm, năm 2017, tổng tài sản đầu tư tăng thêm của Công ty là 24,3 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2017, tổng dự kiến đầu tư còn chưa thực hiện được trong năm 2017 và chuyển sang đầu tư tiếp trong năm 2018 là 9,2 tỷ đồng.

Đầu năm 2017, Công ty cũng đã hoàn thiện việc cải tạo nhà xưởng sản xuất cho phân xưởng giấy vở với diện tích 4.200 m². Ngoài ra, phần mềm quản lý bán hàng được triển khai cho các đại lý tại Miền Bắc, Hà Nội đã bắt đầu phát huy hiệu quả trong công tác quản trị bán hàng trong hệ thống phân phối của Công ty.

2.2.3.Công tác Tài chính kế toán:

Về cơ bản, tình hình tài chính năm 2017 của Công ty là tương đối tốt, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều tăng trưởng so với năm 2016, chi phí được kiểm soát, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.

Năm 2017, Công ty bắt đầu triển khai nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý tài chính, kế toán, đồng thời áp dụng sử dụng Hóa đơn điện tử trong toàn Công ty.

2.2.4.Công tác kế hoạch - sản xuất:

Năm 2017, các thiết bị đầu tư trong năm 2015, 2016 đã chạy ổn định, kết hợp với việc tiếp tục đẩy sớm kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nên năm 2017 hầu như không còn tình trạng thiếu hàng. Tuy nhiên, do lượng tồn từ cuối năm 2016 vẫn còn nhiều nên Công ty cân đối lại kế hoạch tồn kho và giảm sản lượng gia công hàng xuất khẩu, dẫn đến sản lượng sản xuất các ngành hàng bút, vở có giảm so với năm 2016. Mặc dù sản lượng sản xuất giảm, nhưng lượng tiêu thụ năm 2017 vẫn tăng.

Cùng với việc tăng sản lượng xuất bán, lượng tồn kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm cũng được dự phòng và kiểm soát tốt.

2.2.5.Công tác cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt và Dự án 94 Lò Đúc:

Dự án 25 Lý Thường Kiệt:

Tính đến 31/12/2017, dự án đã cho thuê được 96% diện tích. Bên cạnh đó, các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ tại toà nhà cũng được chú trọng triển khai nhằm đáp ứng lượng khách thuê tăng và nâng cao hình ảnh chung của dự án

Dự án 94 Lò Đúc:

Trong năm 2017, dự án 94 Lò Đúc vẫn chưa được triển khai. Công ty hiện đang thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/08/2017 về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án này.

2.2.6. Tình hình triển khai công tác bán hàng và marketing:

Công tác bán hàng năm 2017 được đánh giá là nhiều khó khăn do phân khúc khách hàng mục tiêu và dải sản phẩm của Công ty quá rộng vì vậy trong quá trình triển khai thị trường, chúng ta phải đối đầu với rất nhiều đối thủ. Các đối thủ đều tăng ngân sách cho khuyến mại và phát triển điểm bán nên áp lực cạnh tranh đối với Công ty ngày càng lớn. Trong hệ thống phân phối, các nhà phân phối đều làm đại lý cho nhiều hãng khác nhau nên bị phân tán về nguồn lực và hạn chế tồn kho hàng của Công ty.

Trước những khó khăn đó, việc phối hợp triển khai tốt giữa các bộ phận kế hoạch, thị trường và marketing đã giúp doanh thu các khu vực thị trường cũng như tổng doanh thu vẫn có sự tăng trưởng so với năm 2016, đặc biệt, khu vực miền Trung, miền Nam đều có mức có sự tăng trưởng cao (trên 22%), khu vực thị trường miền Bắc tăng 12,7%, bán lẻ tăng ~7%.

Năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược marketing về tái cấu trúc khách hàng và sản phẩm nhằm đáp ứng ngày càng chuyên sâu hơn cho nhóm khách hàng mục tiêu và phù hợp với định hướng của ngành giáo dục cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty. Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông và sự kiện, hoạt động R&D, hoạt động xúc tiến bán hàng hướng tới hệ thống phân phối cấp 1, cấp 2 và người tiêu dùng trực tiếp cũng được đẩy mạnh.

3. Chỉ tiêu và các biện pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

3.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Kế hoạch 2018	SS với TH 17 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	2	3	4	5	6	(7)=6/5
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	58.961	58.961	58.961	100,00%
2	Tổng doanh thu (chưa trừ CK giảm giá)	Tr.đ	570.000	595.878	661.000	110,93%
3	Tổng doanh thu (đã trừ CK giảm giá)	Tr.đ	547.200	572.485	634.500	110,83%
4	LN SXKD trước thuế	Tr.đ	35.000	35.115	38.500	109,64%
5	Lao động BQ (người/tháng)	Người	420	430	450	104,65%
6	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	9.000	8.850	9.600	108,47%
7	Cổ tức	%	30%	20%	10%	50,00%

3.2. Các biện pháp triển khai thực hiện:

3.2.1. Công tác tổ chức nhân sự - tiền lương:

Công tác tuyển dụng và đào tạo được thực hiện ngay từ đầu năm nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự của các phòng ban. Bên cạnh đó, ưu tiên phương án luân chuyển nhân sự giữa các bộ phận nhằm tránh tăng quy mô lao động.

Xây dựng kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu của từng đơn vị, đáp ứng được mục tiêu của Công ty. Đặc biệt chú trọng tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật vận hành các thiết bị mới đầu tư.

Tiếp tục tuyển dụng thêm cán bộ quản lý cấp trung nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và tăng cường khả năng thực hiện kế hoạch của Công ty.

Liên tục rà soát đơn giá tiền lương, xây dựng lại quy chế tính lương để nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, tạo điều kiện cho việc tuyển dụng lao động mới cũng như đảm bảo giữ chân những lao động cũ, đặc biệt là ở các vị trí đòi hỏi chuyên môn cao.

Xây dựng quy chế thưởng phạt nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc, tránh lãng phí.

3.2.2.Công tác Đầu tư - Kỹ thuật:

Năm 2018, công tác đầu tư tiếp tục được triển khai nhằm hoàn thiện các hạng mục đã được HĐQT phê duyệt năm 2017. Đồng thời, Công ty sẽ tiến hành đầu tư dài hạn, đặc biệt là đầu tư phát triển ngành hàng bút và văn phòng phẩm.

Tăng cường công tác quản trị chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng bao bì sản phẩm.

Rà soát chặt chẽ định mức vật tư tránh lãng phí, giảm giá thành sản phẩm. Phân đầu đưa năng suất lao động tăng 10% so với năm 2017.

3.2.3.Công tác tài chính:

Đảm bảo quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo cung cấp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo thanh toán đủ, đúng hạn các khoản lương, thưởng cho người lao động.

Hoàn thiện áp dụng Hóa đơn điện tử trên toàn Công ty, đến tận các cửa hàng bán lẻ, tăng tính minh bạch và nâng cao chất lượng quản lý bán hàng của Công ty.

Hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính và một số quy trình quản trị tài chính trong Công ty.

3.2.4.Kế hoạch - Thị trường:

Về công tác kế hoạch:

Tiếp tục quy hoạch và mở rộng kho vật tư, hàng hóa.

Tìm kiếm thêm nhà cung cấp để có được sự cạnh tranh về giá, chất lượng, tiến độ cung cấp vật tư, hàng hóa.

Đẩy mạnh kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nhằm nâng cao khả năng chủ động ứng phó với thị trường trong tháng vụ.

Về công tác thị trường, marketing:

Triển khai các ứng dụng công nghệ trong chiến lược thương hiệu mới.

Xác định và tập trung đầu tư cho 2 động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2017-2020 là hoạt động phát triển kênh phân phối và hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).

Công ty sẽ đầu tư xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới đáp ứng mục tiêu hướng tới sự chuyên nghiệp và thân thiện với khách hàng.

Công ty bắt đầu công tác truyền thông hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập Công ty.

Từng bước xây dựng hệ thống thương mại điện tử.

Tiếp tục hoàn thiện việc quản lý điểm bán bằng phần mềm trên quy mô khu vực miền bắc.

3.2.5. Dự án 25 Lý Thường Kiệt và 94 Lò Đúc

Về dự án 25 Lý Thường Kiệt: Hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt.

Về dự án 94 Lò Đúc: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/08/2017 về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án này.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT-HC.

Trương Quang Luyện

Số: 03/2018/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

1. Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2017

Năm 2017, kinh tế thế giới có nhiều dấu hiệu tích cực khi hầu hết các nền kinh tế lớn đều có sự hồi phục và tăng trưởng. Kinh tế Việt Nam cũng ghi nhận một năm tăng trưởng cao với mức tăng 6,8% và lạm phát duy trì ở mức 1,8%. Đây là những dấu hiệu tích cực đối với nền kinh tế nói chung và thị trường tiêu dùng nói riêng.

Trong nội tại Công ty, bên cạnh những thuận lợi như thương hiệu Hồng Hà vẫn giữ được uy tín trong lòng người tiêu dùng; công trình 25 Lý Thường Kiệt đưa vào khai thác từ giữa năm 2013 đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty; sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược; sự đoàn kết nhất trí từ HĐQT đến Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty..., trong năm qua, Công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn. Khó khăn chủ yếu phải kể đến là tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường tới từ những doanh nghiệp cùng ngành trong nước và nguy cơ gia nhập thị trường của các thương hiệu nước ngoài đặc biệt các thương hiệu đến từ Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan. Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu vẫn tràn lan trên thị trường làm ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty.

Thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2017

TT	Chỉ tiêu (triệu đồng)	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tăng trưởng so với 2016	Tăng trưởng so với KH
1	Tổng doanh thu (chưa trừ CK giảm giá)	553.717	570.000	595.878	107,61%	104,54%
2	Tổng doanh thu (đã trừ CK giảm giá)	531.877	547.200	572.485	107,63%	104,62%
3	Lợi nhuận trước thuế	34.699	35.000	35.115	101,20%	100,33%
4	Lợi nhuận sau thuế	27.165	27.500	27.889	102,67%	101,41%

Như vậy, mặc dù thị trường văn phòng phẩm, giấy vở có nhiều khó khăn song doanh thu và lợi nhuận SXKD của Công ty vẫn có tăng trưởng so với năm 2016 và vượt mức kế hoạch 2017 mà ĐHCĐ thường niên đã thông qua.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
- Khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,59	1,38
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,35	0,35

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
- Cơ cấu vốn		
+ Nợ / Tổng tài sản	0,69	0,72
+ Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,19	2,52
- Năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,52	2,24
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,28	1,13
- Khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	0,06	0,07
+ Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu	0,26	0,26
+ Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	0,08	0,07

Về cơ bản, tình hình tài chính năm 2017 của Công ty là tương đối tốt. Các chỉ tiêu tài chính liên quan đến thanh toán cũng như năng lực hoạt động đều có tăng trưởng. Cơ cấu nợ được Công ty giữ ở mức ổn định phù hợp với điều kiện SXKD thực tế của Công ty. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời luôn ở mức ổn định.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

2.1. Thành phần Hội đồng quản trị

Tại thời điểm 31/12/2017, thành viên HĐQT Công ty bao gồm:

- Ông Võ Sỹ Dờng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Bùi Kỳ Phát - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Trương Quang Luyến - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Bà Đào Thị Mai Hạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Hưng - Thành viên
- Ông Bùi Quốc Giang - Thành viên
- Ông Phan Hưng - Thành viên

2.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Võ Sỹ Dờng	Chủ tịch	9/10	90%
2	Ông Bùi Kỳ Phát	Phó CT	10/10	100%
3	Ông Trương Quang Luyến	Thành viên	10/10	100%
4	Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên	10/10	100%
5	Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	10/10	100%
6	Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên	7/10	70%
7	Ông Phan Hưng	Thành viên	8/10	80%

Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành 10 cuộc họp định kỳ/mở rộng. Các thành viên HĐQT đều trực tiếp tham dự các cuộc họp này. Các trường hợp vắng mặt (nếu có) đều có lý do khách quan và được HĐQT chấp thuận.

Năm 2017, HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết và 6 Quyết định để thông qua và quyết định các vấn đề như: Thông qua Kế hoạch cũng như tình hình SXKD hàng quý

năm 2017; Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017; Các Phương án huy động vốn và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư; Tạm ứng cổ tức năm 2017 và các chương trình công tác của các thành viên HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định do HĐQT ban hành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

2.3. Thù lao Hội đồng quản trị năm 2017

Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đã thông qua tổng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2017 là 576 triệu đồng. Công ty đã chi đúng, chi đủ số thù lao cho HĐQT theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết mà ĐHĐCĐ thường niên 2017 đã thông qua.

2.4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Tổ chức họp và thẩm định các Báo cáo và Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty về việc tổng kết cũng như kế hoạch hoạt động SXKD, phương án vay vốn Ngân hàng, tiến độ và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư.

HĐQT đã trao đổi, thảo luận với Ban điều hành về việc thực hiện các chiến lược, mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 28/04/2017 để đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành.

Kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, đóng góp ý kiến với Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã đề ra. HĐQT luôn trao đổi cởi mở và bàn bạc chi tiết với những ý kiến đóng góp cũng như đề xuất của Ban kiểm soát. Các ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và cân nhắc khi HĐQT hoặc Tổng giám đốc ra quyết định.

HĐQT luôn đưa ra Nghị quyết sau mỗi buổi họp thường kỳ hoặc bất thường để thông qua tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty, kế hoạch SXKD của quý tiếp theo và các biện pháp triển khai để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

2.5. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018, mặc dù kinh tế vĩ mô được dự đoán tiếp tục có những biến chuyển tích cực, song tình hình cạnh tranh riêng trên thị trường văn phòng phẩm, giấy vở sẽ ngày càng khốc liệt. Công ty đứng trước thách thức phải đổi mới để giữ vững và phát triển thương hiệu Hồng Hà 60 năm. Trong tình hình này, HĐQT sẽ phải tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Định hướng của HĐQT sẽ tập trung vào một số mặt sau:

Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu kế hoạch năm 2018: 661 tỷ đồng
(chưa trừ CK giảm giá)
- Doanh thu kế hoạch năm 2018: 634,5 tỷ đồng
(đã trừ CK giảm giá)
- Lợi nhuận kế hoạch năm 2018: 38,5 tỷ đồng
- Lương trung bình dự kiến năm 2018: 9,6 triệu đồng/người/tháng
- Dự kiến cổ tức 2018: 10% vốn điều lệ

Về triển khai các dự án

Dự án 25 Lý Thường Kiệt: Theo dõi và chỉ đạo sát sao việc hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt. Ban Tổng giám đốc phải có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cung cấp tại tòa nhà đồng thời có biện pháp để duy trì khách thuê tại tòa nhà.

Về dự án 94 Lò Đúc: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/08/2017 và làm việc với các đơn vị chào mua Dự án. Trong trường hợp các đơn vị này không đáp ứng được yêu cầu của Công ty, Tổng giám đốc sẽ tiếp tục nghiên cứu và trình HĐQT phương án triển khai tiếp theo tại Dự án này.

HĐQT Công ty nhất quán với chủ trương:

Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập;

Đẩy mạnh công tác đầu tư, đặc biệt là đầu tư cho ngành hàng bút và văn phòng phẩm, coi đây là giải pháp cốt lõi để thực hiện mục tiêu của Công ty.

Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".

Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu HC.

Võ Sỹ Dũng

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

1. Khái quát chung về Công ty:

Công ty Văn Phòng phẩm Hồng Hà được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/08/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần) số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016.

Theo giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016 thì:

+ Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi một triệu đồng).

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

+ Địa điểm 2: Số 672 Ngô Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội.

Các thành viên Ban điều hành Công ty năm tài chính 2017 gồm:

- | | |
|---------------------------|-------------------|
| 1- Ông Trương Quang Luyến | Tổng Giám đốc |
| 2- Bà Đào Mai Hạnh | Phó Tổng Giám đốc |
| 3- Ông Hoàng Mạnh Ánh | Phó Tổng Giám đốc |
| 4- Ông Nguyễn Quang Vũ | Kế toán trưởng |

Ban điều hành Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Đảm bảo các Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán bao gồm:

- Báo cáo của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2017;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2017.

Các báo cáo trên được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018. Theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Toàn văn Báo cáo kiểm toán đã kiểm toán được Công ty đăng tải trên website Công ty từ ngày 28/03/2018 (website: <http://www.vpphongha.com.vn>).

Kính trình Đại hội thông qua.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Võ Sỹ Dũng

Số: 05/2018/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH
Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28/04/2017;
- Căn cứ kết quả Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện;
- Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Ban kiểm soát Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

TT	Diễn giải	Kế hoạch*	Thực hiện	
			Tỷ lệ	Thành tiền
	Lợi nhuận sau thuế			27.889.376.511
1	Chia cổ tức bằng tiền	30 % VDL	20% VDL	11.792.200.000
2	Trích Quỹ Phúc lợi Khen thưởng	10% LNST	10% LNST	2.788.937.651
3	Trích Quỹ Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	10% LNST	~10% LNST	2.780.000.000
4	Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5% LNST	5% LNST	1.394.468.826
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Phần LNST còn lại	15% LNST	4.183.406.477
6	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		Phần LNST còn lại	4.950.363.558

* Kế hoạch: là kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 28/04/2017.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

Võ Sỹ Dũng

Số: 06/2018/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

TT	Diễn giải	Thành tiền	Tỷ lệ
	Lợi nhuận sau thuế dự kiến	30,2 tỷ đồng	
	<i>Kế hoạch Phân phối lợi nhuận như sau:</i>		
1	Chia cổ tức	5,896 tỷ đồng	10% vốn điều lệ
2	Trích Quỹ Phúc lợi Khen thưởng	3,020 tỷ đồng	10% LNST
3	Trích Quỹ Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	1,510 tỷ đồng	5% LNST
4	Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,510 tỷ đồng	5% LNST
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	6,040 tỷ đồng	20% LNST
6	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	12,224 tỷ đồng	còn lại

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Sỹ Dũng

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2016, ngày 29/04/2016;
- Căn cứ kết quả Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện;
- Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS Công ty năm 2017 như sau:

Nội dung	Thành tiền (đồng)
Thù lao Hội đồng quản trị	576.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	132.000.000
Tổng cộng	708.000.000

Tổng chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2017 đúng trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Võ Sỹ Dũng

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Kế hoạch Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018;
- Căn cứ vào tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua mức thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cụ thể như sau:

Hội đồng quản trị: **432.000.000 đồng**

Ban Kiểm soát: **132.000.000 đồng**

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Võ Sỹ Dũng

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ vào đề xuất của Trưởng Ban kiểm soát.

HĐQT đề xuất với ĐHĐCĐ danh sách ba (03) đơn vị kiểm toán độc lập, đồng thời đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một (01) trong 03 đơn vị này để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà. Danh sách cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (*IFC*)
2. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (*ANVIET CPA*)
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (*UHY*)

Đây là các đơn vị kiểm toán có uy tín, đã được Bộ Tài chính chấp thuận đủ điều kiện hành nghề kiểm toán độc lập, đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập cho các đơn vị có lợi ích công chúng. Các đơn vị này đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính kế toán và thuế; đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của nhiều tổng công ty và các doanh nghiệp có quy mô lớn trong nước.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Võ Sỹ Dũng

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Căn cứ Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Căn cứ vào tình hình thực tế.

Theo tiết c, khoản 1, Điều I Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND TP. Hà Nội quy định: "*Chỉ cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng giữ phương tiện giao thông đường bộ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trồng giữ xe có thu tiền.*".

Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đến làm việc, giao dịch, mua sắm tại Tòa nhà Hồng Hà Center 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, TP. Hà Nội, Hội đồng quản trị Công ty Hồng Hà kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

Bổ sung thêm:

"Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Mã ngành: 5221)

Chi tiết: Hoạt động bãi đỗ xe ô tô, bãi để xe đạp, xe máy"

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Võ Sỹ Dũng

Số: 11/2018/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH
V/v Sửa đổi Điều lệ
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và tình hình thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Công ty"), Hội đồng quản trị ("HĐQT") đã rà soát, xem xét điều chỉnh, bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ Công ty.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét và thông qua các điểm sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Công ty như nêu dưới đây.

1. Sửa đổi và bổ sung Điều 1:

- Sửa đổi điểm đ khoản 1: do Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 đã được thay thế bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13.
- Sửa đổi điểm g khoản 1: định nghĩa về "Người điều hành Doanh nghiệp" để phù hợp với khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Sửa đổi điểm k khoản 1: Bổ sung phạm vi định nghĩa về "Người có liên quan" để phù hợp với khoản 9 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Sửa đổi điểm l khoản 1: sửa phần dẫn chiếu điều khoản.
- Bổ sung điểm r khoản 1: trên cơ sở tham chiếu điểm c khoản 1 Điều lệ mẫu.
- Bổ sung điểm s khoản 1: trên cơ sở tham chiếu điểm g khoản 1 Điều lệ mẫu.

2. Sửa đổi Điều 2:

- Bổ sung tại khoản 4 quy định về quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng giám đốc được dẫn chiếu tới luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ. Nội dung này tham chiếu khoản 3 Điều 3 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi khoản 7 về trích dẫn dẫn chiếu điều luật.

3. Sửa đổi Điều 4:

- Sửa đổi khoản 1 để phù hợp thực tế bởi hiện nay việc đăng ký ngành nghề kinh doanh là thủ tục thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh để ghi nhận trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Ngoài ra, việc sửa đổi này có tham chiếu Điều 5 Điều lệ mẫu.

4. Sửa đổi điều 9:

- Sửa đổi khoản 3: Sửa từ “tăng vốn” bằng “thay đổi vốn” bởi theo Luật Doanh nghiệp, ngoài tăng vốn điều lệ thì công ty có thể giảm vốn trong một số trường hợp (khoản 5 Điều 111).

5. Sửa đổi Điều 10:

- Sửa đổi khoản 1: để làm rõ nghĩa.
- Sửa đổi khoản 2: Tham chiếu khoản 1 Điều 120 Luật DN và Điều 7 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi khoản 3: Tham chiếu khoản 3 Điều 120 Luật DN và Điều 7 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi khoản 4: Sửa lỗi văn bản.

6. Sửa đổi Điều 13:

- Sửa đổi khoản 4: Tham chiếu khoản 4 Điều 10 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi khoản 5: Bỏ từ “cũ” vì không rõ nghĩa, và bổ sung cụm từ “phát sinh” để rõ nghĩa.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 15:

- Sửa đổi điểm a khoản 2: Bổ sung cụm từ “cuộc họp” để rõ nghĩa hơn.
- Sửa đổi điểm e khoản 2: Để phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.
- Sửa đổi điểm h khoản 2: Làm rõ phạm vi nghĩa vụ phải thanh toán khi giải thể công ty trước khi phân chia quyền lợi cho cổ đông. Tham chiếu từ điểm h khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu.
- Bổ sung điểm k khoản 2: Tham chiếu điểm f khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 16:

- Bổ sung khoản 4: Tham chiếu khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu. Ngoài ra, nội dung này đã quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật DN.
- Bổ sung khoản 5: Tham chiếu khoản 4 Điều 13 Điều lệ mẫu.
- Bổ sung khoản 6: Tham chiếu khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu.

9. Sửa đổi Điều 17:

- Sửa đổi khoản 2: Tham chiếu khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi khoản 4: Sửa đổi để thống nhất cách trích dẫn điểm, khoản, điều trong Điều lệ.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18:

- Sửa đổi điểm a khoản 2: Do công ty chỉ có 1 BCTC hàng năm.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19:

- Bổ sung khoản 3: Tham chiếu khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu
- Bổ sung khoản 4: Tham chiếu khoản 4 Điều 16 Điều lệ mẫu.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 21:

- Sửa đổi khoản 1: Bổ sung câu từ cho đầy đủ và rõ nghĩa. Ngoài ra, chi tiết hơn về điều khoản được dẫn chiếu.
- Sửa đổi điểm a khoản 2: Tham chiếu khoản 1 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Bổ sung tại điểm a khoản 3: Tham chiếu khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu.

- Bổ sung tại điểm c khoản 3: Tham chiếu điểm b khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi khoản 4,5: Sửa từ “Đề xuất” thành “kiến nghị” để phù hợp với quy định tại Luật DN.

13. Sửa đổi Điều 25:

- Sửa đổi khoản 2: Bổ phần dẫn chiếu đối với yêu cầu, cách thức gửi phiếu ý kiến và tài liệu theo khoản 4,5 Điều 21 bởi nội dung lấy ý kiến đã cố định và cố đông thực hiện cho ý kiến theo nội dung này. Do đó không có trường hợp cố đông kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp. Nội dung sửa đổi này cũng tham chiếu khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi khoản 6: Tham chiếu khoản 7 Điều 22 Điều lệ mẫu.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 26:

- Sửa đổi khoản 3: Tham chiếu khoản 3 Điều 23 Điều lệ mẫu.
- Bổ sung khoản 4: Tham chiếu khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 28:

- Bổ sung khoản 2: Tham chiếu khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu.
- Khoản 2 hiện tại sẽ chuyển thành khoản 3, đồng thời sửa đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần để đề cử ứng viên HĐQT của cố đông/nhóm cố đông: Do khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần để có quyền đề cử ứng viên HĐQT là 10% nên tỷ lệ tối thiểu đề cử phải sửa từ 5% thành 10%.
- Khoản 3 hiện tại sẽ chuyển thành khoản 4.
- Khoản 4 hiện tại sẽ chuyển thành khoản 5 quy định về trường hợp thành viên Hội đồng bị miễn nhiệm để phù hợp với khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra:
 - + Sửa đổi điểm d khoản 5: để phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp (có tham chiếu điểm d khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu).
 - + Bổ sung điểm e vào khoản 5: Tham chiếu điểm f khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu.
 - + Bổ sung điểm f khoản 5: Làm rõ trường hợp miễn nhiệm HĐQT do không hoàn thành nhiệm vụ.
- Bổ sung khoản 6: Tách điểm e khoản 5 thành khoản 6 để rõ nghĩa và phù hợp với khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- Xóa bỏ khoản 5: Luật DN và Điều lệ mẫu không quy định nội dung này.
- Chuyển khoản 6, 7 thành khoản 7, 8 do đã xóa bỏ khoản 5.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 29:

- Sửa đổi điểm n khoản 3: Tham chiếu điểm n khoản 2 điều 27 Điều lệ mẫu;
- Bổ sung điểm s, t, u khoản 3: Tham chiếu điểm b, e,o khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi điểm c khoản 4: Tham chiếu điểm c khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu.
- Sửa đổi điểm k khoản 4: Tham chiếu điểm i khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu. Đồng thời quy định này phù hợp với khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp.

17. Sửa đổi điều 31:

- Khoản 7: Tham chiếu khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu.
 - Sửa đổi điểm d khoản 9: Trích dẫn lại điều khoản dẫn chiếu;
 - Sửa đổi khoản 14: Tham chiếu khoản 15 Điều 30 Điều lệ mẫu.
 - Sửa đổi khoản 15: Tham chiếu khoản 1 Điều 31 Điều lệ mẫu.
 - Sửa đổi khoản 16: Tham chiếu khoản 2 Điều 31 Điều lệ mẫu.
- 18. Bổ sung điều 32:**
- Tham chiếu điều 18 Nghị định 71 và Điều 32 Điều lệ mẫu.
- 19. Sửa đổi Điều 33 (điều 32 cũ):**
- Tham chiếu điều 33 Điều lệ mẫu.
- 20. Sửa đổi Điều 34 (điều 33 cũ):**
- Sửa đổi khoản 1, 2: Tham chiếu điều 34 Điều lệ mẫu.
- 21. Sửa đổi Điều 35 (điều 34 cũ):**
- Sửa đổi khoản 1: Tham chiếu khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu.
 - Bổ sung điểm l khoản 3: Tham chiếu điểm c khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu.
- 22. Sửa đổi Điều 37 (điều 36 cũ):**
- Sửa đổi khoản 2: Bổ sung thêm phần định nghĩa về “chuyên trách” của vị trí trưởng ban kiểm soát để có cách hiểu thống nhất để áp dụng.
 - Sửa đổi điểm e khoản 4: Tham chiếu điểm b khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu.
 - Sửa đổi khoản 6: Nâng mức sàn về tỷ lệ tối thiểu để đề cử theo Luật Doanh nghiệp 2015.
 - Sửa đề mục khoản 8,9: Do lỗi soạn thảo, hiện tại có 2 khoản 8 tại điều này.
- 23. Sửa đổi Điều 38 (điều 37 cũ):**
- Sửa đổi khoản 8: Sửa lỗi văn bản
 - Bổ sung khoản 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20: Tham chiếu Điều 38 Điều lệ mẫu.
- 24. Sửa đổi Điều 39 (điều 38 cũ):**
- Sửa đổi khoản 1: Tham chiếu Điều 39 Điều lệ mẫu.
- 25. Sửa đổi Điều 41 (Điều 40 cũ)**
- Sửa đổi khoản 2: Tham chiếu khoản 2 Điều 41 Điều lệ mẫu. Tách đoạn 2 của khoản 2 thành khoản 3 và khoản 3 thành khoản 4.
- 26. Sửa đổi Điều 44 (Điều 43 cũ)**
- Sửa đổi khoản 3: Tham chiếu khoản 4 Điều 44 Điều lệ mẫu.
 - Bổ sung khoản 7, 8, 9: Tham chiếu khoản 2, 3,5 Điều 44 Điều lệ mẫu.
- 27. Sửa đổi Điều 49 (Điều 48 cũ)**
- Sửa đổi khoản 3,4,5: Tham chiếu khoản 3,4,5 Điều 48 Điều lệ mẫu.
- 28. Sửa đổi Điều 50 (Điều 49 cũ)**
- Tham chiếu Điều 49 Điều lệ mẫu.

29. Sửa đổi Điều 54 (Điều 53 cũ)

- Sửa đổi điểm b khoản 2: Tham chiếu điểm b khoản 3 Điều 54 Điều lệ mẫu.

30. Sửa đổi Điều 57 (Điều 56 cũ)

- Sửa đổi khoản 1: Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ thì phải sửa nội dung tương ứng tại khoản 1 Điều 56.

31. Một số sửa đổi khác

- Sau khi bổ sung Điều 33 thì các điều khoản tiếp theo sẽ được ghi số lại tương ứng.
- Sửa cụm từ “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” trong điều lệ.
- Một số điều chỉnh khác về dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản). Nội dung điều chỉnh này giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty rà soát, thực hiện.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình này.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

Võ Sỹ Dũng

Số: 12/2018/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Công ty").

Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét và soạn thảo toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (đính kèm Tờ trình này).

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

Võ Sỹ Dũng

Số:/2018/BC-BKS

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ
GIỮA HAI KỲ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017 - 2018**

Kính thưa các quý vị cổ đông !

Kính thưa đoàn chủ tịch và các vị khách mời !

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”), Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) như sau:

1. Tình hình chấp hành và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quy định, quy chế hoạt động nội bộ của Công ty

1.1. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát Công ty

Tại thời điểm 31/12/2017, Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Ông Nông Văn Quyết - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Tạ Quốc Bình - Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Bùi Thị Thủy - Thành viên Ban kiểm soát

1.2. Công tác điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2017

1.2.1. Các chỉ tiêu thực hiện:

- Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty đạt 572,485 tỷ đồng (đã trừ chiết khấu giảm giá), tăng 4,62% so với kế hoạch năm và tăng 7,63% so với năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế 35,1 tỷ đồng, tăng 0,33% so với kế hoạch và tăng 1,20% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 27,889 tỷ đồng, tăng 1,41% so với kế hoạch và tăng 2,67% so với năm 2016.

- Cổ tức dự kiến là 20%, bằng 66,67% kế hoạch và bằng 66,67% so với năm 2016.

1.2.2. Các mặt hoạt động

- Công tác tổ chức: Công ty tiếp tục triển khai và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự phù hợp với tình hình SXKD; thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị trong Công ty.

- Công tác tài chính: Công ty đã tăng cường kiểm soát chi phí thông qua các chứng từ thu chi và các hóa đơn, phiếu xuất. Công tác thống kê - kế toán đã được hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động quản trị SXKD.

- Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, định mức vật tư tiếp tục được quản lý giám sát. Thường xuyên rà soát các hạng mục đầu tư thực sự cần thiết cho sản xuất nhằm ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tiếp tục hoàn thiện việc tiêu chuẩn hóa các thông số vật tư, sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Công tác kế hoạch thị trường: tiếp tục phù hợp với tình hình mới. Hệ thống phân phối đã cơ bản ổn định và có nhiều biện pháp để thúc đẩy mạnh mẽ công tác tiêu thụ, độ phủ của sản phẩm được mở rộng ở khu vực Miền Trung và Miền Nam. Trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt đòi hỏi Công ty phải chú trọng hơn nữa đến công tác này.

- Tiền lương và các chế độ đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ đối với người lao động: ký Hợp đồng với người lao động trong Công ty, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng hạn; thực hiện cấp phát bảo hộ lao động, bồi dưỡng ca 3, độc hại đầy đủ đúng đối tượng; duy trì bữa ăn giữa ca, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Thu nhập bình quân tháng của người lao động trong năm là 8.850.000đồng/ng/th, bằng 98,33% so với kế hoạch và tăng 10,20% so với năm 2016.

1.3. Triển khai các dự án

1.3.1. Dự án Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt

- Tỷ lệ cho thuê đạt 96% tổng diện tích cho thuê tại tòa nhà. Công ty cần tiếp tục tìm khách thuê phần diện tích còn trống, đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ của tòa nhà.

- Việc quyết toán công trình tòa nhà còn chậm, Công ty cần đẩy mạnh việc đơn đốc các đơn vị liên quan hoàn chỉnh hồ sơ để quyết toán công trình trong năm 2018.

1.3.2. Dự án “Hồng Hà Office Tower” tại ô số 03, khu 94 Lò Đúc

Hội đồng quản trị cần chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công ty trong việc bàn bạc với đơn vị liên quan, sớm xử lý bán dự án hoặc thống nhất phương án hợp tác tại dự án này sao cho đảm bảo quyền lợi cao nhất của Công ty và của cổ đông.

1.4. Thù lao của Ban kiểm soát năm 2017

Tổng chi thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 là: 132.000.000 đồng.

Các khoản chi thù lao Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo mức Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 đã thông qua. Ngoài ra không phát sinh những chi phí nào khác ngoài khoản chi thù lao nói trên.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty

Ban kiểm soát đã theo dõi việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty. Cùng Công ty kiểm toán rà soát quy trình kiểm toán và các yếu tố loại trừ nhằm ngăn ngừa những sai sót trong quá trình kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Công ty được lập ngày 26/03/2018 theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra ý

kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động SXKD và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ các hoạt động SXKD, Ban điều hành đã nghiêm túc thực hiện các quy chế và nghị quyết của HĐQT ban hành. Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành đã lãnh đạo Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD mà ĐHCĐ năm 2017 đã thông qua. Những khía cạnh công tác quản lý còn hạn chế (nếu có) cần được nghiên cứu, tìm ra những giải pháp quản lý tốt hơn để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động SXKD của Công ty.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong ban và hoạt động theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã duy trì công tác kiểm soát và hợp hàng quý theo quy định với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong Ban kiểm soát; mặt khác thường xuyên liên hệ với bộ máy quản lý điều hành để nắm tình hình hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện trao đổi trực tiếp và đề xuất, kiến nghị trong các cuộc họp HĐQT các vấn đề liên quan đến xây dựng các nội quy, quy chế và thường xuyên tăng cường các biện pháp quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành được những nhiệm vụ được giao, đóng góp những kết quả thiết thực trong công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp.

5. Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2018- 2019

5.1. Nội dung: Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát tập trung vào những nội dung chính sau đây:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ.
- Tiếp tục theo dõi việc thu hồi tài sản (nếu có) của Công ty và hạch toán kế toán liên quan đến vụ việc Hoàng Đình Thắng chiếm đoạt tài sản của Công ty.
- Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm.
- Rà soát việc xây dựng và thực hiện các quy định trong quản lý nội bộ của Công ty.
- Đánh giá các lĩnh vực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Theo dõi việc thực hiện những khuyến nghị của Ban kiểm soát đã đưa ra.

5.2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Căn cứ vào phân công trong Ban kiểm soát và nội dung chương trình trên, từng thành viên trong Ban sẽ chủ động trao đổi với các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty để nắm bắt tình hình thực tế, thống nhất xây dựng nội dung những công việc, thời gian tiến hành cụ thể trước khi thực hiện kiểm tra kiểm soát.

- Trong quá trình kiểm tra kiểm soát, nếu phát hiện thấy những vấn đề bất hợp lý thì trao đổi với các bộ phận nghiệp vụ và Ban điều hành để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Sau quá trình kiểm tra kiểm soát, từng thành viên viết báo cáo, Trưởng Ban kiểm soát tổng hợp, lập báo cáo trình HĐQT và ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo của BKS Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà năm 2017 và hướng hoạt động trong năm 2018, xin kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty, xin chân thành cảm ơn ./.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nông Văn Quyết

PHỤ LỤC
Chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà
(Kèm theo Tờ trình số/2018/TTr-HĐQT ngày 12 tháng 04 năm 2018)

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ đề nghị sửa đổi, bổ sung	Giải trình lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1 Điểm đ khoản 1.	đ. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại <u>Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/06/2008.</u>	đ. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại <u>Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/06/2015.</u>	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 đã được thay thế bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13.
2.	Điều 1 Điểm g khoản 1.	g. " <u>Cán bộ quản lý</u> " là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	g. " <u>Người điều hành Doanh nghiệp</u> " là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Tham chiếu khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
3.	Điều 1 Điểm k khoản 1.	k. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.	k. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, <u>khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</u>	Tham chiếu khoản 9 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
4.	Điều 1 Điểm l khoản 1	l. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại <u>điều 2.7</u> của Điều lệ này.	l. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại <u>khoản 7 Điều 2</u> của Điều lệ này.	Sửa phần dẫn chiếu điều khoản.
5.	Điều 1 Bổ sung điểm r khoản 1.		r. " <u>Luật chứng khoán</u> " là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Tham chiếu điểm c khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu.

6.	Điều 1 Bổ sung điểm s khoản 1.		<u>s. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.</u>	Tham chiếu điểm g khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu.
7.	Điều 2 Khoản 4.	4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. <u>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.</u>	Bổ sung quy định dẫn chiếu về quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.
8.	Điều 2 Khoản 7.	7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>Điều 54</u> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>Điều 53</u> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Sửa lại phần dẫn chiếu.
9.	Điều 4 Khoản 1.	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty <u>đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Do ngành nghề kinh doanh của công ty được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia nên việc sửa đổi quy định tại khoản này cho phù hợp. Tham chiếu Điều 5 Điều lệ mẫu.
10.	Điều 9 Khoản 3.	3. Công ty có thể <u>tăng</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	3. Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	Sửa từ “tăng vốn” bằng “thay đổi vốn” bởi theo Luật Doanh nghiệp, ngoài tăng vốn điều lệ thì công ty có thể giảm vốn trong một số trường hợp (khoản 5 Điều 111).

11.	Điều 10 Khoản 1	1. Cổ đông của Công ty được chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	1. Cổ đông của Công ty được <u>cấp</u> chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	Bổ sung từ “cấp” để rõ nghĩa.
12.	Điều 10 Khoản 2	2. <u>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u>	2. <u>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</u>	Tham chiếu khoản 1 Điều 120 Luật DN và Điều 7 Điều lệ mẫu.
13.	Điều 10 Khoản 3	3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <u>bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy</u> , người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <u>bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng</u> , người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Tham chiếu khoản 3 Điều 120 Luật DN và Điều 7 Điều lệ mẫu.
14.	Điều 10 Khoản 4	4. Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản	4. Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng có thể	Sửa lỗi văn bản.

		chuyển nhượng. Hội đồng có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của pháp luật Điều lệ này.	ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
15.	Điều 13 Khoản 4	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối <u>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác</u> theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Tham chiếu khoản 4 Điều 10 Điều lệ mẫu.
16.	Điều 13 Khoản 5	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản <u>tiền cũ</u> liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ cổ tức Công ty của năm trước liền kề vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản <u>tiền có liên quan</u> cộng với tiền lãi <u>phát sinh</u> theo tỷ lệ cổ tức Công ty của năm trước liền kề vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	Bỏ từ “cũ” vì không rõ nghĩa, và bổ sung cụm từ “phát sinh” để rõ nghĩa.

17.	Điều 15 Điểm a, e, h khoản 2.	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	Bổ sung cụm từ “cuộc họp” để rõ nghĩa hơn.
		e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông <u>đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong <u>Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.	Để phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.
		h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.	h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.	Làm rõ phạm vi nghĩa vụ phải thanh toán khi giải thể công ty trước khi phân chia quyền lợi cho cổ đông. Tham chiếu từ điểm h khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu.
18.	Điều 15 Bổ sung điểm k khoản 2.		Bổ sung điểm k khoản 2: k. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;	Tham chiếu điểm f khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu.
19.	Điều 16. Bổ sung khoản 4, 5, 6		4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và	Tham chiếu khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu. Ngoài ra, nội dung này đã quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật DN.

			biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	
			5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.	Tham chiếu khoản 4 Điều 13 Điều lệ mẫu.
			6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.	Tham chiếu khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu.
20.	Điều 17 Khoản 2	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</u>	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trong yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u>	Tham chiếu khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu.

<p>21. Điều 17 Khoản 4</p>	<p>4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng còn lại như quy định tại <u>Khoản 3c</u> hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại <u>Khoản 3d và 3e</u> của Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>nêu trên</u> trong trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 4b</u> Điều này, trong trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3d</u> Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành</p>	<p>4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng còn lại như quy định tại <u>điểm c Khoản 3</u> hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại <u>điểm d, e Khoản 3 Điều này</u>;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>tại điểm a khoản 4 Điều này</u> trong trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm b khoản 4</u> Điều này, trong trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>điểm d khoản 3</u> Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Sửa đổi để thống nhất cách trích dẫn điểm, khoản, điều trong Điều lệ.</p>
--------------------------------	---	---	--

		họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	đồng được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	
22.	Điều 18 Điểm a khoản 2	a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;	a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;	Do công ty chỉ có 1 BCTC hàng năm.
23.	Điều 19 Bổ sung khoản 3, khoản 4.		3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Tham chiếu khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu.
			4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo	Tham chiếu khoản 4 Điều 16 Điều lệ mẫu.

			về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	
24.	Điều 21 Khoản 1.	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>Điều 17</u> Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông, hoặc <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 17</u> Điều lệ này.	Bổ sung câu từ cho đầy đủ và rõ nghĩa. Chi tiết hơn về điều khoản được dẫn chiếu.
25.	Điều 21 Điểm a khoản 2.	a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u>	Tham chiếu khoản 1 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
26.	Điều 21 Bổ sung điểm a khoản 3.	a. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	a. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc (<u>tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</u>). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Tham chiếu khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu.
27.	Điều 21 Bổ sung điểm c		<u>Bổ sung nội dung sau tại điểm c khoản 3:</u>	Tham chiếu điểm b khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu.

	khoản 3.		+ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.	
28.	Điều 21 Khoản 4	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>Điều 15.3</u> của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>khoản 3 Điều 15</u> của Điều lệ này có quyền <u>kiến nghị</u> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Sửa từ “Đề xuất” thành “kiến nghị” để phù hợp với quy định tại Luật DN. Sửa trích dẫn điều khoản.
29.	Điều 21 Khoản 5	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn, không đủ hoặc không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Điều 15.3 Điều lệ này; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những <u>kiến nghị</u> liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: a. <u>Kiến nghị</u> được gửi đến không đúng thời hạn, không đủ hoặc không đúng nội dung; b. Vào thời điểm <u>kiến nghị</u> , cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 15 Điều lệ này</u> ; c. Vấn đề <u>kiến nghị</u> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;	Sửa từ “Đề xuất” thành “kiến nghị” để phù hợp với quy định tại Luật DN.

30.	Điều 25 Khoản 2.	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <u>khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty.</u>	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.</u>	Bỏ phần dẫn chiếu đối với yêu cầu, cách thức gửi phiếu ý kiến và tài liệu theo khoản 4,5 Điều 21 bởi nội dung lấy ý kiến đã cố định và cổ đông thực hiện cho ý kiến theo nội dung này. Do đó không có trường hợp cổ đông kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp. Nội dung sửa đổi này cũng tham chiếu khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu.
31.	Điều 25 Khoản 6.	6. Công ty có thể gửi Biên bản kiểm phiếu trực tiếp đến các cổ đông hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty <u>trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</u>	6. Công ty có thể gửi Biên bản kiểm phiếu trực tiếp đến <u>các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu</u> hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty <u>trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u>	Tham chiếu khoản 7 Điều 22 Điều lệ mẫu.
32.	Điều 26 Khoản 3.	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <u>phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</u> hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Tham chiếu khoản 3 Điều 23 Điều lệ mẫu.

33.	Điều 26 Bổ sung khoản 4.		4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	Tham chiếu khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu.
34.	Điều 28 Bổ sung khoản 2		<p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và 	Tham chiếu khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu

			<p>các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	
35.	<p>Điều 28</p> <p>Khoản 2 sửa đổi và chuyển thành khoản 3.</p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề</u></p>	<p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Theo đó:</p> <p>a) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;</u></p> <p>b) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</u></p> <p>c) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</u></p> <p>d) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</u></p>	<p>Do khoản 3 Điều 15 Điều lệ công ty quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần để có quyền đề cử ứng viên HĐQT là 10% nên tỷ lệ tối thiểu đề cử phải sửa từ 5% thành 10%.</p>

		<u>cử tối đa đủ số ứng viên</u>	<p>e) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;</u></p> <p>f) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;</u></p> <p>g) <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;</u></p> <p>h) - <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.</u></p>	
36.	Điều 28 Khoản 3 chuyển thành khoản 4			Do bổ sung khoản 2 nên khoản 3 trở thành khoản 4.
37.	Điều 28 Khoản 4 sửa đổi, chuyển thành khoản 5.	<p>4. Thành viên Hội đồng <u>sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Thành viên đó không đủ <u>tư cách làm thành viên Hội đồng theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u> hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng <u>bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Thành viên đó không đủ <u>tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 8 Điều này</u> hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng có những</p>	<p>Do luật doanh nghiệp quy định trường hợp “miễn nhiệm và “bãi nhiệm” (mà không quy định về “không còn tư cách” thành viên HĐQT) nên khoản 4 được sửa đổi, bổ sung và tách thành khoản 5 và 6 để rõ nghĩa và phù hợp với Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Sửa đổi điểm d: để phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp (có tham chiếu điểm d khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu).</p>

		<p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, <u>mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng <u>liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p><u>e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>f. Thành viên HĐQT không hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công.</u></p>	<p>Bổ sung điểm e: Tham chiếu điểm f khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu.</p> <p>Bổ sung điểm f khoản 5: Làm rõ trường hợp miễn nhiệm HĐQT do không hoàn thành nhiệm vụ</p>
38.	Điều 28 Tách điểm e khoản 4 thành khoản 6	e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	<u>6. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHCĐ.</u>	Đề phù hợp với khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
39.	Điều 28 Xoá bỏ khoản 5.	<u>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày</u>	Xoá bỏ khoản 5 Điều 28	Luật DN và Điều lệ Mẫu không quy định nội dung này.

		<p><u>được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bị thay thế đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực</u></p>		
<p>40. Điều 28 Khoản 6 và 7 chuyển thành khoản 7 và 8.</p>	<p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người mang quốc tịch Việt</p>	<p>7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người mang quốc tịch Việt Nam, có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm tổ</p>	Do đã xoá bỏ khoản 5.	

		<p>Nam, có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ khoa học, có sức khỏe; có phẩm chất đạo đức tốt và hiểu biết pháp luật, có thâm niên làm việc ít nhất năm (05) năm trong lĩnh vực các ngành nghề chủ yếu của Công ty đã đăng ký kinh doanh.</p> <p>c. Thành viên HĐQT không đồng thời làm thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p>	<p>chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ khoa học, có sức khỏe; có phẩm chất đạo đức tốt và hiểu biết pháp luật, có thâm niên làm việc ít nhất năm (05) năm trong lĩnh vực các ngành nghề chủ yếu của Công ty đã đăng ký kinh doanh.</p> <p>c. Thành viên HĐQT không đồng thời làm thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p>	
41.	Điều 29 Điểm n khoản 3	<u>n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</u>	n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, <u>báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</u>	Tham chiếu điểm n khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu.
42.	Điều 29 Bổ sung điểm s, t, u khoản 3.		<p>s. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>t. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.</p> <p>u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p>	Tham chiếu điểm b, e, o khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu.
43.	Điều 29	c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2	c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2	Tham chiếu điểm c khoản 3

	Điểm c khoản 4.	Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định <u>tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);</u>	Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định <u>tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.</u>	Điều 27 Điều lệ mẫu.
44.	Điều 29 Điểm k khoản 4	k. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá <u>10% mỗi loại cổ phần;</u>	k. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá <u>10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</u>	Tham chiếu điểm i khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu. Đồng thời quy định này phù hợp với khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp.
45.	Điều 31 Khoản 7	7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, <u>các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.</u> Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội	7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</u> Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	Tham chiếu khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu.

		<p>đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng được đăng ký tại Công ty.</p>	
46.	Điều 31 Điểm d khoản 9.	d. Thành viên Hội đồng hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 <u>Điều 39</u> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó	d. Thành viên Hội đồng hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 <u>Điều 40</u> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó	Sửa đổi trích dẫn Điều khoản.
47.	Điều 31 Khoản 14.	14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. Nội dung biên bản phải thực hiện theo điều 154 Luật Doanh nghiệp.</u>	14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ <u>ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.</u>	Tham chiếu khoản 15 Điều 30 Điều lệ mẫu.

<p>48. Điều 31 Khoản 15.</p>		<p>15. Hội đồng có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:</p> <p>a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban, và</p> <p>b. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p><u>15. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Tham chiếu khoản 1 Điều 31 Điều lệ mẫu.</p>
<p>49. Điều 31 Khoản 16.</p>		<p>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <u>sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</u></p>	<p>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <u>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</u></p>	<p>Tham chiếu khoản 2 Điều 31 Điều lệ mẫu.</p>

50.	Bổ sung Điều 32	<p><u>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</u></p> <p>1. Trường hợp công ty trở thành công ty niêm yết, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các</p>	Tham chiếu điều 18 Nghị định 71 và Điều 32 Điều lệ mẫu.
-----	------------------------	---	---

			<p>quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
51.	Điều 33 (Điều 32 cũ)	Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị <u>và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc</u>	Tham chiếu điều 33 Điều lệ mẫu.

		trị. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên <u>phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</u>	<u>kinh doanh hàng ngày của Công ty.</u> Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên <u>phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</u>	
52.	Điều 34 (Điều 33 cũ) Khoản 1, 2.	Điều 34. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và <u>thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng đề xuất từng thời điểm.</u> Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. <u>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích</u> và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. <u>Người điều hành</u> phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. <u>Thù lao, tiền lương, lợi ích</u> và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <u>người điều hành khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	Tham chiếu điều 34 Điều lệ mẫu.
53.	Điều 35 (Điều 34 cũ) Khoản 1.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định <u>mức lương, thù lao, lợi ích</u> và các điều khoản khác có liên quan.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định <u>thù lao, tiền lương</u> và lợi ích khác. <u>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường</u>	Tham chiếu khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu.

			<u>niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u>	
54.	Điều 35 (Điều 34 cũ) Bổ sung điểm 1 khoản 3.		Bổ sung điểm 1 khoản 3: 1. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty	Tham chiếu điểm c khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu.
55.	Điều 37 (Điều 36 cũ) Khoản 2	2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.	2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. <u>Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, “chuyên trách” được hiểu là không được kiêm nhiệm hoặc làm thêm công việc nào khác tại Công ty ngoài làm Trưởng Ban kiểm soát.</u>	Bổ sung thêm phần định nghĩa về “chuyên trách” của vị trí trưởng ban kiểm soát để có cách hiểu thống nhất để áp dụng.
56.	Điều 37 (Điều 36 cũ) Điểm e khoản 4	e. Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập <u>đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</u>	e. Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập <u>thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u>	Tham chiếu điểm b khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu.
57.	Điều 37 (Điều 36 cũ) Sửa đổi khoản 6.	6. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần</u>	6. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu</u>	Nâng mức sàn về tỷ lệ tối thiểu để đề cử theo Luật Doanh nghiệp 2015.

		<u>có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.</u>	<u>quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (3) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (4) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (năm) ứng viên.</u>	
58.	Điều 37 (Điều 36 cũ) Sửa đề mục khoản 8, 9.	Khoản 8 và 9 Điều 37:	Khoản 9 và 10 Điều 37	Sửa đổi vì hiện có hai khoản 8 (do lỗi soạn thảo)
59.	Điều 38 (Điều 37 cũ) Khoản 8	8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của <u>Luật này</u> thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của <u>Luật Doanh nghiệp</u> thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Sửa lỗi văn bản
60.	Điều 38 (Điều 37 cũ) Bổ sung khoản 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.		13. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; 14. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; 15. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của	Tham chiếu Điều 38 Điều lệ mẫu.

			<p>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>17. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>18. Được đảm bảo quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>19. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban</p>	
--	--	--	--	--

			kiểm soát.	
61.	Điều 39 (điều 38 cũ) Khoản 1	1. Thành viên Hội đồng, Tổng giám đốc, và <u>cán bộ quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	1. Thành viên Hội đồng, Tổng giám đốc, <u>Kiểm soát viên</u> và <u>người điều hành khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Tham chiếu điều 39 Điều lệ mẫu
62.	Điều 41 (Điều 40 cũ) Khoản 2	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>cán bộ quản lý</u> , nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>cán bộ quản lý</u> , nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , <u>Tổng giám đốc</u> , <u>người điều hành khác</u> , nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>người điều hành doanh nghiệp</u> , nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có	Tham chiếu khoản 2 Điều 41 Điều lệ mẫu. Tách đoạn 2 của khoản 2 thành khoản 3 và khoản 3 thành khoản 4.

		tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	
63.	Điều 44 (Điều 43 cũ) Khoản 3.	3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam <u>và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.</u>	3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. <u>Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam</u>	Tham chiếu khoản 4 Điều 44 Điều lệ mẫu.
64.	Điều 44 (Điều 43 cũ) Bổ sung khoản 7, 8, 9.		7. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 8. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 9. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó,	Tham chiếu khoản 2, 3,5 Điều 44 Điều lệ mẫu.

			những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	
65.	Điều 49 (Điều 48 cũ) Khoản 3, 4, 5.	<p>3. Với trường hợp Công ty niêm yết, Công ty phải lập và công bố các Báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), <u>báo cáo sáu tháng, quý</u> của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền <u>xem xét hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, Báo cáo sáu tháng và hàng quý</u> trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>3. Với trường hợp Công ty niêm yết, Công ty phải lập và công bố các <u>báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý</u> theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), <u>báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý</u> phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền <u>kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý</u> trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	Tham chiếu khoản 3,4,5 Điều 48 Điều lệ mẫu.
66.	Điều 50 (Điều 49 cũ).	Điều 49. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố các báo cáo thường niên <u>và báo cáo bất thường</u> theo các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 50. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Tham chiếu Điều 49 Điều lệ mẫu.

67.	Điều 54 (Điều 53 cũ) Điểm b khoản 2.	b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	b. <u>Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u>	Tham chiếu điểm b khoản 3 Điều 54 Điều lệ mẫu.
68.	Điều 57 (Điều 56 cũ) Khoản 1.	1. Bản điều lệ này gồm XXI chương <u>56 điều</u> , được sửa đổi trên cơ sở Điều lệ của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông <u>bất thường</u> của Công ty, tổ chức vào ngày 23 tháng 06 năm 2014 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm XXI chương <u>57 điều</u> , được sửa đổi trên cơ sở Điều lệ của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> của Công ty, tổ chức vào ngày tháng ... năm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ thì phải sửa nội dung tương ứng tại khoản 1 Điều 56.
69.	Một số sửa đổi khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi bổ sung Điều 33 thì các điều khoản tiếp theo sẽ được ghi số lại tương ứng. - Sửa cụm từ “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” trong điều lệ. - Một số điều chỉnh khác về dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản). Nội dung điều chỉnh này giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty rà soát, thực hiện. 		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (dự thảo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

(Sửa đổi bổ sung ngày 24 tháng 04 năm 2018)

HÀ NỘI, NĂM 2018

PHẦN MỞ ĐẦU

Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 14/12/2005, được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất vào ngày 25/04/2007, lần thứ hai vào ngày 22/04/2009, lần thứ ba vào ngày 26/04/2011, lần thứ tư vào ngày 25/04/2014 lần thứ năm ngày 23/06/2014, lần thứ sáu ngày 15/01/2016 và lần thứ bảy được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, tổ chức vào ngày 24 tháng 04 năm 2018 tại Hà Nội.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước XHCHCN Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

d. "Ngày Truyền thống" là ngày 01 - 10 hàng năm (ngày 01 - 10 - 1959 là ngày thành lập Nhà máy Văn phòng phẩm Hồng Hà – tiền thân của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà).

đ. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/06/2015.

e. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.

g. "Người điều hành Doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

h. "Tổng giám đốc" có nghĩa là Tổng giám đốc điều hành.

i. "Ban Tổng giám đốc" gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc.

k. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

l. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 7 Điều 2 của Điều lệ này.

m. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

n. "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty

o. "Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân, được ghi tên trong Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

p. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

q. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

r. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.

s. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

- Tên tiếng Anh: **Hong Ha Stationery Joint Stock Company**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

- Tên viết tắt: **HONG HA JSC**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: **04-22103919; 04-36524158**

- Fax: **04-36524351**

- E-mail: **congtv@vpphongha.com.vn**

- Website: **www.vpphongha.com.vn**

- Biểu trưng: 

- Ngày Truyền thống của Công ty: 01 – 10

4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

5. Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Thông tin về Chi nhánh công ty:

a, Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ (TP. HÀ NỘI)

Địa chỉ chi nhánh: 47 Độc lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam

Mã số chi nhánh: 0100100216-004

b, Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Mã số chi nhánh: 0100100216-010

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Công ty kinh doanh các ngành nghề sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm	4761 (Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
4.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
5.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
6.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
11.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
14.	Bán buôn đồ uống	4633
15.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

16.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
17.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
18.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
19.	In ấn	1811
20.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thành phẩm, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty; - Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh.	8299
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn va li, cặp, túi, ví hàng da và giả da khác; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4649

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a. Huy động vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tăng lợi tức cho các cổ đông; tạo công việc làm ổn định cho người lao động; đóng góp nhiều cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

b. Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật;

2. Kinh doanh trung thực;

3. Đảm bảo nguồn tài chính trong cam kết kinh doanh với khách hàng;

4. Đảm bảo có quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với nhân viên của Công ty, giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông, giữa các cổ đông với nhau. Tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ để đảm bảo hoạt động của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và nhân viên của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật;

5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy chế nội bộ cụ thể, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc hoạt động, quy định tại Điều này.

Điều 6. Quyền của Công ty

Công ty có các quyền sau:

1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.
2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty

Công ty có các nghĩa vụ sau:

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.
3. kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh.

9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

Điều 8. Tổ chức Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp

1. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong công ty hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, phát luật và theo Điều lệ tổ chức.

2. Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp, kết nạp những người làm việc tại doanh nghiệp vào các tổ chức này.

3. Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, đoàn thể làm việc tại doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo Điều lệ và nội quy của tổ chức.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần.

1. Vốn điều lệ của Công ty là số vốn được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty. Mệnh giá của cổ phần là mười nghìn (10.000) VNĐ/cổ phần. Tổng số cổ phần của Công ty bằng vốn điều lệ của Công ty chia cho mệnh giá của cổ phần.

2. Vốn điều lệ của Công ty được thể hiện trong Phụ lục đính kèm Điều lệ này. Chi tiết về vốn điều lệ trong Phụ lục được tự động điều chỉnh khi phát sinh các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác, sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết, sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

4. Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Các thông tin gồm: Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức

Điều 13. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi phát sinh theo tỷ lệ cổ tức Công ty của năm trước liền kề vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

k. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a. Xem xét và trích lục các biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 16. Nghĩa vụ của các cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của

công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng còn lại như quy định tại điểm c Khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm d, e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại điểm a khoản 4 Điều này trong trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, trong trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được quyền thảo luận và thông qua:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng;

h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

o. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Công ty mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;

q. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

r. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua

đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

4. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và 24 Điều lệ này.

Điều 21. Triệu tập, chương trình và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp.

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Quy định về việc gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

a. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Phiếu biểu quyết;

+ Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

+ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

d. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c nêu trên có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn, không đủ hoặc không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.

Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) thẻ biểu quyết và một (01) phiếu biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết có ghi Tên cổ đông hoặc người đại diện; Số đăng ký sở hữu; Số cổ phần có quyền biểu quyết và Mã số dự họp. Trên phiếu biểu quyết có ghi Tên cổ đông hoặc người đại diện; Số đăng ký sở hữu; Số cổ phần có quyền biểu quyết; Mã số dự họp và các nội dung cần biểu quyết với các phương án: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành theo hai (02) cách dưới đây:

a. Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết:

Việc biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, được thực hiện dưới sự điều hành của Chủ tọa, theo thứ tự: *Tán thành*, *Không tán thành*, *không có ý kiến*. Hình thức này được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:

- Thông qua Đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm thẻ/phiếu;
- Thông qua Thẻ lệ biểu quyết;
- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội;
- Thông qua Chương trình Đại hội;
- Thông qua Quy định ứng cử, đề cử;
- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
- Các nội dung khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b. Biểu quyết bằng hình thức ghi phiếu biểu quyết:

Biểu quyết bằng hình thức ghi phiếu biểu quyết được sử dụng để biểu quyết các tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông.

- Cách thức ghi Phiếu biểu quyết: Với mỗi nội dung ghi trên Phiếu biểu quyết, cổ đông ghi ký hiệu "X" và ô tương ứng với ý kiến của mình: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

3. Ban kiểm soát/phiếu sẽ tổng hợp kết quả biểu quyết từng nội dung theo: Số cổ phần biểu quyết "Tán thành"; Số cổ phần biểu quyết "Không tán thành", Số cổ phần biểu quyết "Không có ý kiến".

4. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

5. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm soát/phiếu biểu quyết lập Biên bản, có ký xác nhận của các thành viên và trình Chủ tọa Đại hội.

Kết quả biểu quyết được Chủ tọa thông báo trước khi thông qua nghị quyết Đại hội. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - đ. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
- 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
- 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ,

tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Công ty có thể gửi Biên bản kiểm phiếu trực tiếp đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Theo đó:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;
- i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 90% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 8 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

f. Thành viên HĐQT không hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công.

6. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người mang quốc tịch Việt Nam, có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ khoa học, có sức khỏe; có phẩm chất đạo đức tốt và hiểu biết pháp luật, có thâm niên làm việc ít nhất năm (05) năm trong lĩnh vực các ngành nghề chủ yếu của Công ty đã đăng ký kinh doanh.

- c. Thành viên HĐQT không đồng thời làm thành viên Ban kiểm soát.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm o khoản 2 Điều 18 Điều lệ, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

r. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu

cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

s. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

t. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.

u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các Công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại tai khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

g. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

k. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

n. Việc bổ nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.

5. Hội đồng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng không trình Báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.

6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức

thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng hoặc các tiểu ban của Hội đồng hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán hoặc Đại hội đồng cổ đông công ty có quy định khác.

Hội đồng quản trị có thể lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng để bầu ra một Phó Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập, chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu

hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng phải triệu tập họp Hội đồng để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp Hội đồng sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và được sự nhất trí của Hội đồng.

7. Thông báo và chương trình họp.

Thông báo họp Hội đồng phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (được ủy quyền). Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai (02) trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất (01). Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, những vấn đề phát sinh sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Hội đồng hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều 40 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên

Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Trường hợp công ty trở thành công ty niêm yết, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng. Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực, căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, và phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.

b. Có năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp;

c. Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm và kiến thức kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty;

d. Am hiểu các lĩnh vực Công nghệ và các sản phẩm mà Công ty đang sản xuất kinh doanh. Có khả năng điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng của Hội đồng quản trị và mang lại hiệu quả cao.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt do Hội đồng đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng thông qua;

h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

l. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng có quyền dự họp biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, “chuyên trách” được hiểu là không được kiêm nhiệm hoặc làm thêm công việc nào khác tại Công ty ngoài làm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật sản xuất và nghiệp vụ kinh doanh của công ty;

c. Có sức khỏe tốt, có đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật;

d. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

đ. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e. Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

5. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát ;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký Báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

6. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (3) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (4) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (năm) ứng viên.

7. Trường hợp các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

8. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

9. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

10. Hàng năm, các kiểm soát viên được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

13. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

14. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

15. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

17. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

18. Được đảm bảo quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

19. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

2. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;

b. Không được tăng tiền lương, trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;

c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ, do không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a,b Khoản này;

d. Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

3. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ này quy định.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc các công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với những hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị (bằng hoặc) lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đã được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại

diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

7. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

8. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

9. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 45. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Công ty trích lập các quỹ sau:

- a. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu;
- b. Quỹ đầu tư phát triển;
- c. Quỹ khen thưởng;
- d. Quỹ phúc lợi.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt

đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, cơ quan thống kê, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Với trường hợp Công ty niêm yết, Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua số lượng, hình thức, nội dung, mẫu con dấu và quy định về quản lý, sử dụng con dấu của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Việc sử dụng con Dấu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan phải tuân thủ đúng quy định về quản lý và sử dụng con dấu do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

- b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm Báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đó thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng hay Chủ tịch Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng hay Chủ tịch Hội đồng, bất cứ bên nào

cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được sửa đổi trên cơ sở Điều lệ của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, tổ chức vào ngày thángnăm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng mới có giá trị.

Hà Nội, ngày.....thángnăm 2018

Người đại diện theo pháp luật
Tổng giám đốc

TRƯƠNG QUANG LUYẾN

PHỤ LỤC số 01

*(Kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà
được bổ sung, sửa đổi lần thứ, ngày/...../2018)*

Chi tiết vốn Điều lệ Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

TT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Lý do
1	28/12/2006	28.600.000.000	Chuyển đổi mô hình hoạt động từ DNNN thành Công ty cổ phần
2	28/04/2007	31.460.000.000	Trả 10% cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu, tương đương 2,86 tỷ đồng
3	05/12/2007	47.190.000.000	Phát hành tăng vốn điều lệ thêm 15,73 tỷ đồng
4	09/05/2012	56.628.000.000	Phát hành tăng vốn điều lệ thêm 9,438 tỷ đồng
5	16/07/2012	58.961.000.000	Phát hành tăng vốn điều lệ thêm 2,333 tỷ đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

(Ban hành ngày 24 tháng 04 năm 2018)

HÀ NỘI, NĂM 2018

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được xây dựng theo qui định của:
 - a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
 - c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
 - d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - f. Điều lệ của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, BKS và người điều hành khác của Công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:
 - a. “Công ty” là Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà;
 - b. “ĐHĐCĐ” hoặc “Đại hội”: Đại hội đồng cổ đông;
 - c. “HĐQT” hoặc “Hội đồng”: Hội đồng quản trị;
 - d. “BKS”: Ban kiểm soát.
2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
 - b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;
 - c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty;
 - e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng

- và người điều hành khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn;
- f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty;
 - h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
 4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) thẻ biểu quyết và một (01) phiếu biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết có ghi Tên cổ đông hoặc người đại diện; Số đăng ký sở hữu; Số cổ phần có quyền biểu quyết và Mã số dự họp. Trên phiếu biểu quyết có ghi Tên cổ đông hoặc người đại diện; Số đăng ký sở hữu; Số cổ phần có quyền biểu quyết; Mã số dự họp và các nội dung cần biểu quyết với các phương án: "Tán thành", "Không tán thành" và "Không có ý kiến".

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.
4. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành theo hai (02) cách dưới đây:

a. Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết:

Việc biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, được thực hiện dưới sự điều hành của Chủ tọa, theo thứ tự: "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến". Hình thức này được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:

- Thông qua Đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm thẻ/phiếu;
- Thông qua Thẻ lệ biểu quyết;
- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội;
- Thông qua Chương trình Đại hội;
- Thông qua Quy định ứng cử, đề cử;
- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
- Các nội dung khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.

b. Biểu quyết bằng hình thức ghi phiếu biểu quyết:

Biểu quyết bằng hình thức ghi phiếu biểu quyết được sử dụng để biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình tại ĐHĐCĐ.

Cách thức ghi Phiếu biểu quyết: Với mỗi nội dung ghi trên Phiếu biểu quyết, cổ đông ghi ký hiệu "X" hoặc "√" vào ô tương ứng với ý kiến của mình: "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến".

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm thẻ/phiếu sẽ tổng hợp kết quả biểu quyết từng nội dung theo: Số cổ phần biểu quyết "Tán thành"; Số cổ phần biểu quyết "Không tán thành", Số cổ phần biểu quyết "Không có ý kiến".
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.
5. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.
2. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm thẻ/phiếu biểu quyết lập Biên bản, có ký xác nhận của các thành viên và trình Chủ tọa Đại hội. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa thông báo trước khi thông qua nghị quyết Đại hội. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại phải tuân thủ theo quy định tại Điều 131 Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
6. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo nội dung tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người mang quốc tịch Việt Nam, có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ khoa học, có sức khỏe; có phẩm chất đạo đức tốt và hiểu biết pháp luật, có thâm niên làm việc ít nhất năm (05) năm trong lĩnh vực các ngành nghề chủ yếu của Công ty đã đăng ký kinh doanh.
3. Thành viên HĐQT không đồng thời làm thành viên BKS.
4. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên; từ 80% đến 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên; trên 90% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng;

- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.;
 - e. Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công.
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- 1) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- 2) Trình độ học vấn;
- 3) Trình độ chuyên môn;
- 4) Quá trình công tác;
- 5) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- 6) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- 7) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- 8) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- 9) Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo

đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, những vấn đề phát sinh sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố đầy đủ.
4. Thành viên Hội đồng hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều 40 Điều lệ sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 33. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt do Hội đồng đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và Hội đồng thông qua;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
 - j. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
 - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
 - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
 - d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ

Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 40. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
 - b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
 - d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
 - e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
 - f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình

kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS.

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và những Người điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc.
2. Trường BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên BKS.
3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá những Người điều hành khác trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng ban, đơn vị, bộ phận của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - c. Hoàn thành nhiệm vụ.
 - d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 44. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình HĐQT (đối với bộ máy điều hành) và quyết định mức khen thưởng đối với các cá nhân

theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 43 nêu trên.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thường được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm. Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 45. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- 1) Có hiểu biết về pháp luật;
- 2) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- 3) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho

thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;

7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 48. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Trường hợp Công ty trở thành Công ty niêm yết, HĐQT phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 51. Trách nhiệm cản trở

1. Thành viên Hội đồng, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
2. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:
 - a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
 - b. Không được tăng tiền lương, trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
 - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ, do không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm a,b Khoản này;
 - d. Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;
3. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ quy định.

Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá

nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHQĐ chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc các công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với những hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị (bằng hoặc) lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đã được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.
 - d. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 54. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Mọi nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này chỉ có giá trị khi được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 13 chương 55 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VÕ SỸ DŨNG

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH.....	2
ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ.....	2
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ.....	3
ĐIỀU 3. THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHỐT DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐHĐCĐ.....	3
ĐIỀU 4. THÔNG BÁO TRIỆU TẬP ĐHĐCĐ.....	3
ĐIỀU 5. CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐHĐCĐ.....	3
ĐIỀU 6. CÁCH THỨC BỎ PHIẾU BIỂU QUYẾT TRONG ĐHĐCĐ.....	3
ĐIỀU 7. CÁCH THỨC KIỂM PHIẾU.....	4
ĐIỀU 8. THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU.....	5
ĐIỀU 9. CÁCH THỨC PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ.....	5
ĐIỀU 10. LẬP BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ.....	5
ĐIỀU 11. CÔNG BỐ NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ.....	6
ĐIỀU 12. VIỆC ĐHĐCĐ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN.....	6
CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
ĐIỀU 13. TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HĐQT.....	7
ĐIỀU 14. CÁCH THỨC CỔ ĐÔNG, NHÓM CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ NGƯỜI VÀO VỊ TRÍ THÀNH VIÊN HĐQT.....	7
ĐIỀU 15. CÁCH THỨC BẦU THÀNH VIÊN HĐQT.....	7
ĐIỀU 16. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT.....	7
ĐIỀU 17. THÔNG BÁO VỀ VIỆC BẦU, MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT.....	8
ĐIỀU 18. CÁCH THỨC GIỚI THIỆU ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HĐQT.....	8
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
ĐIỀU 19. THÔNG BÁO HỌP HĐQT.....	8
ĐIỀU 20. ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC HỌP HĐQT.....	9
ĐIỀU 21. CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT.....	9
ĐIỀU 22. CÁCH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT.....	9
ĐIỀU 23. GHI BIÊN BẢN HỌP HĐQT.....	9
ĐIỀU 24. THÔNG BÁO NGHỊ QUYẾT HĐQT.....	10
CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN.....	10
ĐIỀU 25. TIÊU CHUẨN KIỂM SOÁT VIÊN.....	10
ĐIỀU 26. CÁCH THỨC CỔ ĐÔNG, NHÓM CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ NGƯỜI VÀO VỊ TRÍ KIỂM SOÁT VIÊN.....	10
ĐIỀU 27. CÁCH THỨC BẦU KIỂM SOÁT VIÊN.....	10
ĐIỀU 28. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN.....	10
ĐIỀU 29. THÔNG BÁO VỀ VIỆC BẦU, MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN.....	11
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
ĐIỀU 30. CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT.....	11
ĐIỀU 31. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN.....	11
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	11
ĐIỀU 32. CÁC TIÊU CHUẨN CỦA NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	11
ĐIỀU 33. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	11
ĐIỀU 34. VIỆC BỎ NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	12
ĐIỀU 35. KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VỚI NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	12
ĐIỀU 36. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	12
ĐIỀU 37. THÔNG BÁO BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	13
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	13
ĐIỀU 38. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ BKS.....	13
ĐIỀU 39. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	13
ĐIỀU 40. VIỆC TIẾP CẬN THÔNG TIN.....	14
ĐIỀU 41. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	14
ĐIỀU 42. PHỐI HỢP GIỮA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HĐQT, BKS.....	15
CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	15
ĐIỀU 43. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	15

ĐIỀU 44. KHEN THƯỞNG.....	15
ĐIỀU 45. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KỶ LUẬT	16
CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	16
ĐIỀU 46. TIÊU CHUẨN CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	16
ĐIỀU 47. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	16
ĐIỀU 48. VIỆC BỔ NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
ĐIỀU 49. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
ĐIỀU 50. THÔNG BÁO BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
CHƯƠNG XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	17
ĐIỀU 51. TRÁCH NHIỆM CÂN TRỌNG	17
ĐIỀU 52. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.....	17
ĐIỀU 53. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	18
CHƯƠNG XII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
ĐIỀU 54. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
CHƯƠNG XIII: NGÀY HIỆU LỰC	19
ĐIỀU 55. NGÀY HIỆU LỰC	19